

Bản án số: 725/2024/DS-PT
Ngày: 09 - 9 - 2024
V/v: “Đòi bồi thường thiệt hại theo
Luật Trách nhiệm bồi thường của
Nhà nước và yêu cầu hủy Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Đòi bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2543/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/Ông Ngô Minh P, sinh năm 1970 (vắng mặt);

2/Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I đường C phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng D, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C khu V, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1/Uỷ ban nhân dân thành phố C (vắng mặt);

2/Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C (vắng mặt);

3/Uỷ ban nhân dân quận N (xin xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Trang Văn N, sinh năm 1952 (vắng mặt);

2/Bà Trần Thị M1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B đường U, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ;

3/Ngân hàng Thương mại cổ phần S (trước là Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 – Chi nhánh Đ1);

Địa chỉ: Số I đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Tấn Đ (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần S (trước là Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 – Chi nhánh Đ1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/3/2021 nguyên đơn ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M, thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Hồng D trình bày:

Năm 2001 ông P, bà M nhận chuyển nhượng lô đất số 34, diện tích 84m² (4m x 21m) thửa đất số 115, tờ bản đồ số 66, trục đường C2 khu Trung tâm thương mại C từ vợ chồng ông Trang Văn N, bà Trần Thị M1. Nguồn gốc đất của ông N là do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 1700/QĐ-UB ngày 26/6/2001 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655 ngày 24/9/2001; Giá chuyển nhượng là 270.000.000 đồng. Các bên đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng theo quy định, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, thuế, lệ phí... và được Sở Địa chính tỉnh C (cũ) xác nhận, chỉnh lý sang tên ngày 28/01/2002. Trong quá trình sử dụng, ông P bà M1 có chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Hoàng K, song ông K không thanh toán đủ tiền nên ông K chuyển nhượng ngược lại cho ông P, bà M1 (được Phòng Tài nguyên môi trường quận N xác nhận chỉnh lý ngày 30/6/2005). Ngoài ra trong quá trình sử dụng ông P, bà M1 còn thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại các Ngân hàng và các lần thế chấp đều đăng ký giao dịch bảo đảm, được Phòng Tài nguyên môi trường quận N, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận N

xác nhận. Hiện tại quyền sử dụng đất vẫn còn đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 (chi nhánh Đ1) và chưa xóa thế chấp.

Năm 2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có Văn bản số 3703/UBND-NCPC ngày 06/8/2015 kết luận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là trái quy định pháp luật. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được cấp trái quy định và chưa có đất ngoài thực địa (qua việc Ban quản lý cho thành phố C thông báo cho ông N và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ), nay là Ủy ban nhân dân quận N về việc chưa giải quyết giao nền phố do chưa giải tỏa được), nên không đủ điều kiện để chuyển nhượng theo quy định của pháp luật nhưng Sở Địa chính tỉnh Cần Thơ, Ủy ban nhân dân quận N vẫn chính lý xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể là: Sở Địa chính xác nhận chuyển nhượng từ ông N sang cho ông P ngày 28/01/2002; Phòng Tài nguyên môi trường quận N xác nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất từ ông K sang ông P ngày 30/6/2005.

Do việc chỉnh lý, xác nhận chuyển Quyền sử dụng đất trái quy định pháp luật như trên đã gây ra thiệt hại cho ông P, bà M1 vì nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng không có đất trên thực tế và nhiều thiệt hại khác trong thời gian hơn 03 năm yêu cầu, đề nghị các cơ quan chức năng xác minh, làm rõ và kết luận. Do đó, nay ông P, bà M1 khởi kiện yêu cầu:

1/Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp cho ông Trang Văn N ngày 24/9/2001 (và hủy các chỉnh lý sau đó, trong đó có chỉnh lý ngày 30/6/2005 của Phòng Tài nguyên môi trường quận N sang tên cho nguyên đơn);

2/Yêu cầu Nhà nước (do Ủy ban nhân dân thành phố C đại diện) bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số tiền tương đương giá thị trường của lô đất là 7,5 tỷ đồng. Trường hợp không bồi thường được bằng tiền, thì yêu cầu giao cho nguyên đơn một hoặc một số thửa đất có giá trị tương đương.

Bị đơn Ủy ban nhân dân thành phố C đã có văn bản số 1076/UBND-NC ngày 01/4/2021 trình bày ý kiến với nội dung: Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trách nhiệm này thuộc về ông Trang Văn N. Ủy ban nhân dân thành phố C không có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại là không đủ điều kiện và cơ sở pháp lý. Căn cứ quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Ủy ban nhân dân thành phố đã nhiều lần có văn bản hướng dẫn ông P, bà M1 khởi kiện dân sự ông N tại Tòa án là phù hợp quy định pháp luật. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận và hủy chỉnh lý xác nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Sở Tài nguyên môi trường thành phố C thống nhất với ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 1076/UBND-NC ngày 01/4/2021 và không có ý kiến khác.

Ủy ban nhân dân quận N đã có văn bản số 1493/UBND-NC ngày 19/4/2021 trình bày ý kiến với nội dung: Kết quả rà soát toàn bộ hồ sơ chỉnh lý sang tên từ ông Ngô Minh P sang ông Nguyễn Hoàng K, và từ ông K chuyển nhượng ngược lại cho ông P không tìm thấy bất kỳ văn bản ngăn chặn nào của cơ quan cấp có thẩm quyền đối với sự chuyển dịch phần đất nêu trên. Do đó, việc các hộ dân thực hiện các quyền của mình tại thời điểm chuyển dịch tài sản là đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân quận N không đồng ý việc bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Trang Văn N, bà Trần Thị M1 có đơn xin vắng mặt đề ngày 28/5/2021 và trình bày ý kiến xin hoàn toàn chịu trách nhiệm những nội dung trong 05 lần mời, khai và 01 lần đối chất trực tiếp với ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M tại Đội 07 Phòng Cảnh sát điều tra. Trong quá trình giao dịch mua bán hay phục vụ công tác điều tra, vợ ông là bà Trần Thị M1 không hiểu rõ nội dung vụ việc.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sáp nhập từ Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 - chi nhánh Đ1) trình bày:

Trước đây Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 - chi nhánh Đ1 có ký kết hợp đồng tín dụng với bà Trịnh Thùy L; Ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M là người thế chấp tài sản để bảo đảm cho nghĩa vụ của bà L. Tài sản thế chấp là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 66, trục đường C khu T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655 ngày 24/9/2001 mà hiện nay ông P, bà M đang khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại. Việc thế chấp được thực hiện đúng quy định, hợp đồng có công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do bà L không thực hiện việc trả nợ đúng thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 19/2013/QĐST-KDTM ngày 22/3/2013. Theo đó, bà L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số nợ vốn là 1,5 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh; Đồng thời tiếp tục thực hiện nghĩa vụ về lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. Hiện tại Ngân hàng vẫn chưa được thi hành án theo quyết định trên. Đối với vụ án này, Ngân hàng có ý kiến đề nghị Tòa xem xét cho quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ, lãi theo quy định của pháp luật. Nếu ông P, bà M được giải quyết bồi thường thì Ngân hàng được ưu tiên nhận các khoản mà Ngân hàng được thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M:

Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655/QSDĐ ngày 24/9/2001(tờ bản đồ số 66, số thửa 115, diện tích 84m² đất thổ cư) do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp cho ông Trang Văn N và xác nhận chỉnh lý cho ông

Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M ngày 30/6/2005 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N.

2/Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C đại diện bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/3/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (trước là Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 – Chi nhánh Đ1) kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần S (có ông Dương Tấn Đ là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo vì: Ngân hàng không nắm được thủ tục và căn cứ vào biên bản hòa giải thành của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập ở cấp sơ thẩm. Năm 2002 tại khu vực này ở thành phố Cần Thơ là đất trống, khi Ngân hàng đi thẩm định thì nguyên đơn chỉ phân đất nền, khi tái thẩm định lại thì trên đất có vài căn nhà đã xây dựng, sau đó hồ sơ chuyển qua Tòa án xét xử thì Ngân hàng mới tham gia tham gia tố tụng. Khi Ngân hàng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm đối với hợp đồng thế chấp thì không bị ngăn chặn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng có kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do Ngân hàng không có yêu cầu độc lập ở cấp sơ thẩm, nên yêu cầu kháng cáo của không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với lỗi của cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm thì Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên đơn ông Ngô Minh P và bà Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp cho ông Trang Văn N ngày 24/9/2001, và hủy các chính lý sau đó (trong đó có chính lý ngày 30/6/2005 của Phòng Tài nguyên môi trường quận N cho nguyên đơn); Yêu cầu Nhà nước (do Ủy ban nhân dân thành phố C đại diện) bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước bằng việc giao cho nguyên đơn một nền đất vì ông P, bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất số 34, diện tích 84m² thửa đất số 115, tờ bản đồ số 66, trục đường C2 khu Trung tâm thương mại C từ vợ chồng ông Trang Văn N, bà Trần Thị M1, nhưng không có đất trên thực tế. Hiện tại quyền sử dụng phần đất này đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 (chi nhánh Đ1) và chưa xóa thế chấp.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Theo Văn bản số 3703/UBND-NCPC ngày 06/8/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố C nêu: *“Sau khi nhận được đơn kiến nghị của ông Phạm Hồng D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở T, Thanh tra thành phố rà soát, thẩm tra lại toàn bộ về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 655 nêu trên cho ông Trang Văn N, qua đó kết luận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 655 nêu trên là trái với quy định của pháp luật”*. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655 ngày 24/9/2001 cho ông Trang Văn N là không đúng quy định của pháp luật.

Tại điểm 5 khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai có quy định: *“Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái quy định pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận trái quy định pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận trái quy định pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật đất đai”*. Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân thành phố C không có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655 ngày 24/9/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp cho ông Trang Văn N (đã được Phòng Tài nguyên môi trường quận N xác nhận chính lý ngày 30/6/2005 cho ông Ngô Minh P và bà Nguyễn Ngọc M) là theo quy định tại khoản 1, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Ngày 24/9/2001 ông Trang Văn N được Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655 tại lô nền số 34, trục đường C,

khu T, với diện tích 84m². Tuy nhiên, ngày 15/11/2001 Ban Q đã có Thông báo số 45/TB.QLC về việc chưa giải quyết giao nền phố gửi cho ông N. Như vậy, ông N đã biết thực tế ông chưa nhận được đất là lô nền số 34 nêu trên, là chưa được Nhà nước giao đất. Do đó, việc ông N thực hiện việc chuyển nhượng cho vợ chồng ông P, bà M vào ngày 05/12/2001 là vi phạm khoản 2 Điều 3 của Luật đất đai năm 1993 “2- *Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất; Các quyền nói trên chỉ được thực hiện trong thời hạn giao đất và đúng mục đích sử dụng của đất được giao.*”, và vi phạm Bộ luật dân sự năm 1995 theo khoản 2 Điều 131 về Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự “*Mục đích và nội dung của giao dịch không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội*”; Điều 137 về Giao dịch dân sự do vi phạm điều cấm của pháp luật; Điều 705 về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất “*...chuyển giao đất và quyền sử dụng đất cho người được chuyển nhượng...*”; Khoản 4 Điều 708 về Nội dung chủ yếu của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bao gồm: “*Loại đất, hạng đất, diện tích, vị trí, ranh giới và tình trạng đất*”; Khoản 3 Điều 709 về Nghĩa vụ của bên chuyển quyền sử dụng đất: “*Chuyển giao đất cho bên nhận quyền sử dụng đất đủ diện tích, đúng hạng đất, đúng loại đất, đúng vị trí ..*”; Khoản 2 Điều 713 về Quyền của bên nhận quyền sử dụng đất: “*Yêu cầu bên chuyển quyền sử dụng đất giao đất đủ diện tích, đúng hạng đất, đúng loại đất, đúng vị trí,....*”, bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản. Vì vậy giao dịch này đã bị vô hiệu và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên từ thời điểm xác lập theo Điều 146 của Bộ luật dân sự năm 1995. Do đó ông P, bà M có quyền khởi kiện yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

[3.3] Do ông N được Nhà nước công nhận và xác lập quyền qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực chất không có đất trên thực tế. Như vậy, ông N mới là người bị xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp trong trường hợp này, nên chỉ có ông N mới có quyền khiếu nại yêu cầu giải quyết hoặc khởi kiện yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ông P, bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông N trong khi ông N chưa được Nhà nước giao đất, là giao dịch vô hiệu ngay từ khi xác lập do có đối tượng không thể thực hiện được. Vì vậy quyền, lợi ích hợp pháp của ông P, bà M bị xâm phạm, bị thiệt hại xuất phát từ ký kết giao dịch, hợp đồng vô hiệu chứ không trực tiếp bị quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp trái quy định pháp luật xâm hại nên không có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi Ủy ban nhân dân thành phố C, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C và Ủy ban nhân dân quận N bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết theo quy định điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.4] Đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần S có yêu cầu nếu ông P, bà M được giải quyết bồi thường thì Ngân hàng được ưu tiên nhận các khoản mà

Ngân hàng được thi hành án theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn không có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, nên không có căn cứ để giải quyết nội dung yêu cầu này của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá và phán quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ngân hàng có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Ngoài ra, do tại cấp sơ thẩm Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, nên nội dung kháng cáo của Ngân hàng không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Nếu trong trường hợp quyền lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, thì Ngân hàng có quyền khởi kiện vụ án khác. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (trước là Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 – Chi nhánh Đ1);

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Áp dụng Khoản 14 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 11 Điều 17, Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M:

Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00655/QSDĐ ngày 24/9/2001(tờ bản đồ số 66, số thửa 115, diện tích 84m² đất thổ cư) do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp cho ông Trang Văn N và xác nhận chính lý cho ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M ngày 30/6/2005 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N.

2/Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C đại diện bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (trước là Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 – Chi nhánh Đ1 sông C) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000253 ngày 08/3/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- ND (2);
- BD (3);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 23b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên